TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 17/8/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Ba.
2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST–HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc D, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Số 1982/17, tổ 3, ấp 1B xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 1996/39, tổ 3, ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc D trình bày:

– Chị và anh T xây dựng gia đình vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên cãi vả, chung sống không hạnh phúc. Từ khi phát sinh mâu thuẫn tháng 6/2011, vợ chồng ly thân đến nay, chị sống tại địa chỉ: Số 1982/17, tổ 3, ấp 1B xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, còn anh T sống tại địa chỉ: Số 1996/39, tổ 3, ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Không ai quan tâm đến ai, chị xác định không còn tình cảm với anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

– Về con chung, có 03 con cháu:

+ Trần Đức H, sinh ngày 02/8/2000;

+ Trần Ngọc Như T, sinh ngày 29/4/2010;

+ Trần Tuấn K, sinh ngày 09/5/2012.

Hiện nay 03 cháu đang sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, cháu T và cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con do chị đủ khả năng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ để đến Tòa án làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia xét xử nhưng anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu H, T, K cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Chị D và anh T kết hôn với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên cãi vả, chung sống không hạnh phúc. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T, đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung, có 03 con cháu:

+ Trần Đức H, sinh ngày 02/8/2000;

+ Trần Ngọc Như T, sinh ngày 29/4/2010;

+ Trần Tuấn K, sinh ngày 09/5/2012.

Hiện nay 03 cháu đang sống cùng chị D. Nếu ly hôn, chị D đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, T, K; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu H và cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị D nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H, T, K cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị D là người nộp đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị D đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc D, chị D được ly hôn anh Trần Văn T.

– Về con chung, giao 03 cháu:

+ Trần Đức H, sinh ngày 02/8/2000;

+ Trần Ngọc Như T, sinh ngày 29/4/2010;

+ Trần Tuấn K, sinh ngày 09/5/2012.

Cho chị D nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Trần Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chị D được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005438 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị D đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Trần Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang